

Số: /BC-SNNMT

Tuyên Quang, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Đề án số 194/ĐA-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 3113/SNNMT-QLĐĐ ngày 17/5/2026 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 18/5/2026, Sở Tư pháp ban hành Báo cáo số 303/BC-STP về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết nêu trên.

Sau khi nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật có liên quan và tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết.

(Chi tiết tại biểu giải trình, tiếp thu kèm theo)

Trên đây là nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Sở Tư pháp;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Văn phòng Sở (đăng website Sở);
- Lưu: VT, ĐCKSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

BẢNG TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 296/BC-STP ngày 17/5/2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày /5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nội dung ý kiến thẩm định	Giải trình, tiếp thu
1	<p>Điều 1 dự thảo đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đoạn đầu của Điều, bổ sung đoạn “theo quy định tại khoản 11, 12, 13, 14, 16 Điều 2, khoản 5 Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi thông tư số 106/2021/TT-BTC” vào sau cụm từ “trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang” cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ- Khoản 3, chỉnh sửa thành “Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất” cho chính xác tên của phí theo điểm 5.1 khoản 5 Mục IX Phần A Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí và khoản 12 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC.- Bổ sung 02 khoản vào sau khoản 3 (khoản 4, 5), để bảo đảm bao quát toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết, như sau: “4. Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất. 5. Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt”.- Khoản 4 chuyển thành khoản 6.- Đề nghị giải trình việc không quy định “Phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản” tại dự thảo Nghị quyết.	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tiếp thu. Đã bổ sung đầy đủ nội dung viện dẫn cụ thể khoản, điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết để bảo đảm phù hợp khoản 2 Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.- Tiếp thu. Đã chỉnh sửa thành: “3. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất” đúng tên loại phí theo quy định tại Luật Phí và lệ phí và khoản 12 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC.- Tiếp thu. Đã bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 1 để bảo đảm đầy đủ phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết.- Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại thứ tự các khoản tại Điều 1 bảo đảm thống nhất, logic.- Tiếp thu, giải trình: Qua rà soát, phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản hiện được thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và không thuộc nội dung tiếp tục đề xuất tại dự thảo Nghị quyết này (Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã chấm dứt hiệu lực thi

STT	Nội dung ý kiến thẩm định	Giải trình, tiếp thu
		hành từ ngày 02/7/2025). Nội dung giải trình đã được bổ sung tại Tờ trình dự thảo Nghị quyết.
2	<p>Điều 2 dự thảo, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “một số loại phí, lệ phí” thành “các loại phí, lệ phí”.</p> <p>- Đề nghị bỏ căn cứ 3, 4, 5, 6 do trùng lặp với các căn cứ sau 8, 9, 10, 11.</p> <p>- Chuyển căn cứ “Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí” về sau căn cứ Luật Đất đai, để bảo đảm đúng thứ tự hiệu lực pháp lý của văn bản từ cao xuống thấp.</p>	<p>- Tiếp thu. Đã rà soát và bỏ các căn cứ trùng lặp trong phần căn cứ ban hành Nghị quyết.</p> <p>- Tiếp thu. Đã sắp xếp lại thứ tự căn cứ ban hành theo đúng trình tự hiệu lực pháp lý của văn bản quy phạm pháp luật.</p>
	<p>Điều 3 dự thảo đề nghị:</p> <p>- Khoản 1, chỉnh sửa cụm từ “cung cấp dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính khi đăng ký” thành “thẩm định hồ sơ” cho cụ thể, chính xác theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC.</p> <p>- Bổ sung một khoản quy định đối tượng được miễn phí (khoản 4), cụ thể như sau:</p> <p>- Tên khoản 4: “4. Đối tượng được miễn phí”.</p> <p>- Nội dung của khoản 4 bao gồm quy định tại đoạn đầu của Điều 7 và khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị quyết</p> <p>-Trong đó, chỉnh sửa nội dung đoạn đầu của Điều 7 thành: “Các đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ về đất đai theo quy định tại Nghị quyết này được miễn phí thẩm định hồ sơ và lệ phí khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất” cho thống nhất với Điều 4 dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (kèm theo Tờ trình số 299/TTr-SNNMT ngày 22/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau:</p> <p>- Tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung khoản 1 Điều 3 thành “thẩm định hồ sơ” theo đúng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC.</p> <p>-Tiếp thu. Đã bổ sung khoản 4 Điều 3 quy định đối tượng được miễn phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</p> <p>-Tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung theo ý kiến thẩm định để bảo đảm thống nhất với dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.</p>

STT	Nội dung ý kiến thẩm định	Giải trình, tiếp thu
	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 Điều 7, bổ sung từ “khẩn” vào sau cụm từ “đặc biệt khó” và bỏ cụm từ “trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không có đất ở, đất sản xuất hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất” cho chính xác. - Đề nghị quy định cụ thể “các đơn vị còn lại” tại điểm b khoản 5 Điều 3. - Đề nghị bỏ từ “lệ phí” tại điểm c khoản 5 Điều 3 vì Điều này chỉ quy định về phí. - Chính sửa cụm từ “quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn hiện hành” thành “quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phí, lệ phí và pháp luật hiện hành có liên quan” để bảo đảm bao quát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung khoản 1 Điều 7 theo đúng quy định pháp luật hiện hành. - Tiếp thu. Đã chỉnh sửa, quy định cụ thể các đơn vị thu phí để bảo đảm rõ ràng, thuận lợi trong tổ chức thực hiện. - Tiếp thu. Đã bỏ từ “lệ phí” để bảo đảm chính xác nội dung điều chỉnh. - Tiếp thu. Đã chỉnh sửa thành: “quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phí, lệ phí và pháp luật hiện hành có liên quan”.
	<p>Điều 4 dự thảo, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính sửa khái niệm “Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai”. - Bổ sung khoản quy định đối tượng được miễn phí. - Chuyển nội dung khoản 2 Điều 7 sang Điều 4. - Quy định cụ thể “các đơn vị còn lại”. - Bỏ từ “lệ phí” tại điểm c khoản 5. 	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu. Đã chỉnh sửa khái niệm phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai theo đúng quy định tại điểm m khoản 1 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC; bổ sung khoản quy định các trường hợp được miễn phí; chuyển nội dung miễn phí từ Điều 7 sang Điều 4 để bảo đảm thống nhất bố cục; quy định cụ thể các đơn vị thực hiện thu phí; đồng thời bỏ nội dung liên quan đến lệ phí không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Điều này.
	<p>Điều 5 dự thảo, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều 5 chuyển thành Điều 6 cho thống nhất với thứ tự các nội dung nêu tại Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh) của dự thảo Nghị quyết. <p>Khoản 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên khoản chỉnh sửa thành “1. Người nộp lệ phí” cho chính xác. - Bỏ cụm từ “cung cấp dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính khi đăng ký” cho ngắn gọn, chính xác. <p>b) Tên khoản 2, chỉnh sửa thành “Tổ chức thu lệ phí” cho chính xác.</p> <p>c) Khoản 3, chỉnh sửa tên khoản 3 thành “Mức thu lệ phí” cho chính xác và chỉnh sửa cụm từ “Phụ lục III” thành “Phụ lục IV” cho thống</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu: Đã chỉnh sửa toàn bộ theo nội dung đề nghị của cơ quan thẩm định

STT	Nội dung ý kiến thẩm định	Giải trình, tiếp thu
	<p>nhất với thứ tự các Phụ lục (như ý kiến tham gia tại điểm a khoản 3.11 Mục I Báo cáo này).</p> <p>d) Bổ sung một khoản quy định đối tượng được miễn lệ phí (khoản 4), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên khoản 4: “Đối tượng được miễn lệ phí”. - Bố cục khoản này thành 04 điểm, trong đó điểm a khoản 4 Điều 6 quy định: <p>“a) Các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết này”; các điểm a, b, c khoản 3 Điều 7 chuyển thành điểm b, c, d khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết.</p> <p>đ) Khoản 4 chuyển thành khoản 5 và chỉnh sửa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên khoản, chỉnh sửa thành “5. Chế độ thu, nộp lệ phí” và bỏ điểm d (quy định việc quản lý sử dụng phí, lệ phí) vì: Điều này chỉ quy định về lệ phí (không quy định về phí). Mà theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Phí và lệ phí và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 85/2019/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC quy định⁵, thì tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước nên không đặt ra việc quản lý và sử dụng lệ phí. <p>Tại Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí⁶ và pháp luật hiện hành chỉ quy định về việc quản lý và sử dụng phí, không quy định về việc quản lý và sử dụng lệ phí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bỏ điểm e vì không phải quy định về chế độ thu, nộp lệ phí mà quy định về mức thu lệ phí; đồng thời, bổ sung quy định mức thu lệ phí cụ thể đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến tại Phụ lục IV ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết cho thống nhất. <p>Theo đó, khoản 5 cụ thể như sau: “5. Chế độ thu, nộp lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước</p>	
	Điều 6 dự thảo, đề nghị:	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau:

STT	Nội dung ý kiến thẩm định	Giải trình, tiếp thu
	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị chuyển Điều 5 thành Điều 6. - Chỉnh sửa tên các khoản: “Người nộp lệ phí”, “Tổ chức thu lệ phí”, “Mức thu lệ phí”. - Bỏ cụm từ “cung cấp dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính khi đăng ký”. - Chỉnh sửa “Phụ lục III” thành “Phụ lục IV”. - Bổ sung khoản quy định đối tượng được miễn lệ phí. - Chỉnh sửa khoản 5 thành “Chế độ thu, nộp lệ phí”; bỏ nội dung quản lý, sử dụng lệ phí. - Bổ sung mức thu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến tại Phụ lục IV. 	<p>-Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lại thứ tự Điều cho phù hợp bố cục dự thảo Nghị quyết; chỉnh sửa tên các khoản bảo đảm chính xác theo nội dung điều chỉnh; bỏ cụm từ không còn phù hợp; chỉnh sửa số thứ tự Phụ lục tương ứng; bổ sung khoản quy định đầy đủ các đối tượng được miễn lệ phí; chỉnh sửa khoản 5 theo hướng: “Tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước”; đồng thời bổ sung cột mức thu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến tại Phụ lục IV theo ý kiến thẩm định.</p>
	<p>Điều 7 dự thảo, đề nghị: Đề nghị bỏ Điều 7 do nội dung miễn phí, lệ phí đã được quy định tại các Điều 3, 4, 5, 6.</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau: Tiếp thu. Đã bỏ Điều 7 và rà soát, chỉnh sửa lại thứ tự các điều của dự thảo Nghị quyết bảo đảm thống nhất, logic.</p>
	<p>Điều 8 dự thảo, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị chỉnh sửa tên Điều thành “Hình thức nộp phí, lệ phí”. - Chuyển các điểm a, b, c thành khoản 1, 2, 3. -Đề nghị bổ sung từ “này” sau từ “Nghị quyết”. 	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau: Tiếp thu. Đã chỉnh sửa tên Điều và bố cục các khoản theo đúng kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật; Đã chỉnh sửa đầy đủ nội dung theo ý kiến thẩm định.</p>
	<p>Điều 9 dự thảo, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉnh sửa khoản 2 thành “Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau”. - Chỉnh sửa thứ tự các điểm thành a, b, c, d, đ, e, g. - Bổ sung khoản 3 quy định bãi bỏ các số thứ tự tại Phụ lục III, IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND. 	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau: -Tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung khoản 2; rà soát, sắp xếp lại thứ tự các điểm theo đúng quy định về kỹ thuật trình bày văn bản; đồng thời bổ sung khoản 3 về nội dung bãi bỏ các số thứ tự tại Phụ lục III, IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND theo ý kiến thẩm định.</p>
	<p>Phần nơi nhận dự thảo, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉnh sửa tên cơ quan “Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp”. - Chỉnh sửa “Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh Tuyên Quang”. 	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau: Tiếp thu. Đã chỉnh sửa thành “Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp” và “Trung tâm thông tin – Hội nghị tỉnh (đăng Công báo)” theo đúng tên gọi hiện hành.</p>
	<p>Các Phụ lục của dự thảo, đề nghị:</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau:</p>

STT	Nội dung ý kiến thẩm định	Giải trình, tiếp thu
	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sửa thứ tự, tên các Phụ lục I, II, III, IV. - Bổ sung thông tin chỉ dẫn dưới tên Phụ lục. - Rà soát, gộp các nội dung có cùng mức thu tại Phụ lục II. - Chính sửa bố cục Phụ lục III, IV; bổ sung mức thu trực tuyến; bỏ ghi chú không cần thiết. 	<p>-Tiếp thu. Đã chỉnh sửa đầy đủ thứ tự, tên gọi các Phụ lục bảo đảm thông nhất với bố cục Nghị quyết; bổ sung thông tin chỉ dẫn theo đúng quy định; rà soát, gộp các nội dung có cùng mức thu để bảo đảm khoa học, dễ áp dụng; đồng thời chỉnh sửa bố cục các Phụ lục III, IV, bổ sung mức thu đối với hồ sơ trực tuyến và bỏ các nội dung ghi chú không còn phù hợp.</p>
	<p>Nội dung khác, đề nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị tiếp tục rà soát mức thu phí, lệ phí bảo đảm phù hợp quy định pháp luật. - Rà soát ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản. - Đăng tải bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình trên Trang thông tin điện tử của cơ quan. - Bổ sung căn cứ giao thẩm quyền ban hành Nghị quyết và đánh giá các Nghị quyết trước sắp xếp tại Tờ trình. - Bổ sung Báo cáo thẩm định và Báo cáo tiếp thu, giải trình vào hồ sơ trình UBND tỉnh. 	<p>Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau:</p> <p>-Tiếp thu. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp tục rà soát, hoàn thiện các mức thu phí, lệ phí trên cơ sở quy định của Luật Phí và lệ phí, ý kiến thẩm định của Sở Tài chính và thực tiễn địa phương; đồng thời rà soát toàn bộ thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản bảo đảm đúng quy định hiện hành. Cơ quan soạn thảo sẽ thực hiện đăng tải bản tổng hợp tiếp thu, giải trình trên Trang thông tin điện tử theo quy định; đã bổ sung đầy đủ căn cứ pháp lý giao thẩm quyền ban hành Nghị quyết, nội dung đánh giá các Nghị quyết trước sắp xếp tại Tờ trình và hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định.</p>